

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NINH BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 06/TTr-TTHĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2025:

a) Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Nam Định.

b) Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định (trước sắp xếp) sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Nam Định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

c) Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Nam Định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

d) Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam (trước sắp xếp) ban hành quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Nam.

đ) Nghị quyết số 108/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình (trước sắp xếp) về việc ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy các xã, phường;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND. *(k)*

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND các cấp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; công chức và người lao động trực tiếp giúp việc HĐND cấp xã; các tổ chức, đại biểu được mời tham gia các hoạt động của HĐND các cấp. Trường hợp lãnh đạo HĐND cấp xã không phải là đại biểu HĐND thì được hưởng chế độ như đại biểu HĐND có cùng chức danh.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Việc thực hiện chế độ, chính sách, các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp được lập trong dự toán của từng cấp ngân sách, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng theo Quy định này. Kinh phí hoạt động phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Chương II

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH NINH BÌNH

Điều 3. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND

1. Chi điều hành kỳ họp HĐND

a) Chủ toạ kỳ họp:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Chi tham dự kỳ họp HĐND

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời dự họp:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Công chức, người lao động phục vụ kỳ họp:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Hỗ trợ nghiên cứu tài liệu kỳ họp

a) Hỗ trợ đại biểu HĐND nghiên cứu tài liệu kỳ họp:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/nghị quyết;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/nghị quyết.

b) Hỗ trợ trong việc nghiên cứu tài liệu kỳ họp đối với công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, công chức cấp xã tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/nghị quyết;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/nghị quyết.

4. Hỗ trợ tiền ăn, chi nước uống giữa giờ trong thời gian tổ chức kỳ họp HĐND

a) Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu HĐND và khách mời, công chức, nhân viên, bộ phận phục vụ của Văn phòng:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 75.000 đồng/người/buổi.

b) Hỗ trợ tiền ăn cho nhân viên phục vụ khác:

Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Chi nước uống, giải khát giữa giờ:

Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.



Trong trường hợp Thường trực HĐND quyết định tổ chức ăn tập trung thì không hỗ trợ tiền ăn. Mức chi tổ chức bữa ăn không quá 300.000 đồng/suất đối với cấp tỉnh; 150.000 đồng/suất đối với cấp xã.

5. Hỗ trợ tiền phòng nghỉ cho đại biểu tham dự kỳ họp: theo quy định hiện hành.

6. Chi xây dựng, hoàn thiện các văn bản kỳ họp

a) Chi xây dựng Tờ trình và dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp; hoàn thiện Nghị quyết (rà soát, tổng hợp ý kiến tại kỳ họp để hoàn chỉnh nghị quyết):

Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 700.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp:

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo kết quả công tác 6 tháng, hằng năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình kỳ họp HĐND:

Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng văn bản phục vụ điều hành kỳ họp; báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp; biên bản kỳ họp; báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận tại kỳ họp; báo cáo kết quả kỳ họp:

Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

Nếu tổ chức kỳ họp HĐND vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 1, khoản 2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ mức chi tại khoản 1, khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

Điều 4. Chi hoạt động thẩm tra

1. Chi xây dựng kế hoạch, đề cương, chương trình làm việc

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

2. Chi chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến về văn bản trình hoặc văn bản đề nghị

a) Cấp tỉnh: 700.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

3. Chi thực hiện thẩm tra

a) Chi cho người chủ trì hội nghị:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho các đại biểu tham gia:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho người phục vụ:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

4. Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo thẩm tra

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.

Trường hợp xây dựng báo cáo thẩm tra chung nhiều nội dung (đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết) thì từ nội dung thứ 2 trở đi, mỗi nội dung được chi thêm 500.000 đồng/nội dung.

b) Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Trường hợp xây dựng báo cáo thẩm tra chung nhiều nội dung (đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết) thì từ nội dung thứ 2 trở đi, mỗi nội dung được chi thêm 250.000 đồng/nội dung.

Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát

1. Chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát (Nghị quyết, quyết định thành lập, kế hoạch, đề cương)

a) Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND:

- Chi xây dựng Nghị quyết, Quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề:

+ Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 1.000.000 đồng/văn bản.

- Chi xây dựng Kế hoạch giám sát thường xuyên, khảo sát:

+ Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND:

- Chi xây dựng Quyết định thành lập, kế hoạch, đề cương giám sát chuyên đề:

+ Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

- Chi xây dựng Kế hoạch, đề cương giám sát thường xuyên, khảo sát:

+ Cấp tỉnh: 700.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 400.000 đồng/văn bản.

2. Chi tổ chức giám sát, khảo sát thực tế

a) Chi cho người chủ trì hội nghị, trưởng đoàn:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho các đại biểu tham gia, thành phần Đoàn:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho người phục vụ:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo, thông báo kết quả

a) Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo, thông báo kết quả giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND:

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 1.500.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo, thông báo kết quả giám sát, khảo sát của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND:

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 1.000.000 đồng/văn bản.

4. Chi mời chuyên gia tư vấn: Tùy theo nội dung và tính chất của từng chuyên đề, Thường trực HĐND tỉnh quyết định mời chuyên gia với mức chi 1.000.000 đồng/người/văn bản.

Nếu tổ chức giám sát, khảo sát vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

Điều 6. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 70.000 đồng/văn bản.

2. Chi soạn thảo báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri để chi trang trí, hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác tại các điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch (Tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp nào thì do HĐND cấp đó chi; trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri của nhiều cấp tại một điểm thì kinh phí hỗ trợ do HĐND cấp tỉnh chi). Mức hỗ trợ như sau:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/điểm tiếp xúc cử tri.

b) Cấp xã: 2.500.000 đồng/điểm tiếp xúc cử tri.

2. Chi tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri

a) Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND; đại biểu các ngành, đoàn thể dự Hội nghị:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho người phục vụ:

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

3. Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp xã: 700.000 đồng/báo cáo.

4. Khoản chi tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND trong năm (ngoài chế độ công tác phí theo quy định) để đảm bảo việc giữ mối liên hệ thường xuyên với cử tri

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/đại biểu/năm.

Nếu tổ chức tiếp xúc cử tri vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

Điều 8. Chi hỗ trợ Tổ đại biểu HĐND các cấp

1. Chi cuộc họp Tổ đại biểu HĐND

a) Chi cho người chủ trì:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho các đại biểu tham dự:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho người phục vụ:

Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả họp tổ:

Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;

Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

2. Chi hỗ trợ hoạt động của các Tổ đại biểu

a) Cấp tỉnh: 15.000.000 đồng/Tổ/năm.

b) Cấp xã: HĐND cấp xã quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp tình hình thực tế nhưng không quá 50% mức hỗ trợ của cấp tỉnh.

Điều 9. Chi hỗ trợ tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND được phân công, cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đại biểu HĐND tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo: Áp dụng theo quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hiện hành của tỉnh.

2. Chi xây dựng văn bản đề xuất giải quyết vụ việc

a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

3. Chi cho việc nghiên cứu tổng hợp, báo cáo về công tác xử lý đơn thư

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi hỗ trợ cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp đại biểu HĐND tiếp công dân: 80.000 đồng/người/ngày.

Điều 10. Chi cho phiên họp của Thường trực HĐND (bao gồm cả hoạt động giải trình, chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND); Hội nghị giao ban, Hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND các cấp; Hội thảo chuyên đề tham gia ý kiến các dự án Luật, các văn bản do Quốc hội, Chính phủ yêu cầu

1. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo chuyên đề

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

2. Chi chuẩn bị văn bản nội dung cần tập trung thảo luận, giải trình, chất vấn

a) Cấp tỉnh: 700.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

3. Chi tổ chức phiên họp, hội nghị, hội thảo

a) Chi cho người chủ trì:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho các đại biểu tham dự:

Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho người phục vụ:

Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

4. Chi chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến đối với chủ đề hội thảo, tọa đàm, dự án Luật, pháp lệnh

a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/chủ đề, dự án.

b) Cấp xã: 300.000 đồng/ chủ đề, dự án.

5. Chi xây dựng bài tham luận chuyên đề, tham luận tham gia ý kiến dự án Luật, pháp lệnh theo đề nghị của cơ quan chủ trì tổ chức

a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/văn bản.

b) Cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

6. Chi cho việc tổng hợp kết quả; xây dựng báo cáo kết quả phiên họp

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

7. Hỗ trợ ăn, nghỉ tập trung đối với hội nghị do HĐND, Thường trực HĐND tổ chức: chi tiền ăn, nghỉ theo quy định hiện hành.

Nếu tổ chức phiên họp vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 3 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

Điều 11. Chi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND

1. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định hiện hành về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 12. Chi xây dựng báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương

Chi xây dựng báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 13. Chi sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ

1. Chi cho hoạt động tổ chức: nội dung và mức chi được áp dụng theo quy định đối với tổ chức kỳ họp HĐND cùng cấp.

2. Chi khen thưởng (Khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp): thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi quà tặng, lưu niệm: Đối tượng và mức chi cụ thể do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định tùy theo điều kiện thực tế, đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Hỗ trợ ăn, nghỉ tập trung đối với hội nghị do HĐND, Thường trực HĐND tổ chức: chi tiền ăn, nghỉ theo quy định hiện hành.

Điều 14. Chế độ công tác phí, hoạt động phí

1. Đại biểu HĐND các cấp được cử đi công tác cho hoạt động HĐND thì được thanh toán các chế độ (công tác phí, phụ cấp lưu trú, phương tiện đi lại, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở nơi đến công tác) theo quy định hiện hành.

2. Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND theo quy định hiện hành (ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND là ngày tham gia các hoạt động của HĐND theo kế hoạch, chương trình hoạt động của HĐND).

3. Đại biểu HĐND (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng theo quy định hiện hành.

4. Chế độ công tác phí của đại biểu HĐND, đại biểu khách mời (kể cả tổ chức, cá nhân không phải là Đại biểu HĐND) nếu được trung tập để thực hiện các hoạt động của HĐND thì thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, từ nguồn kinh phí hoạt động HĐND.

Điều 15. Phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu HĐND các cấp

1. Phụ cấp kiêm nhiệm

a) Đại biểu HĐND các cấp đang giữ chức vụ ở các cơ quan khác kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND, Trưởng các Ban của HĐND được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo quy định hiện hành.

b) Lãnh đạo các Ban của HĐND cấp xã hoạt động không chuyên trách được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng tính theo mức lương cơ sở như sau:

Trưởng ban của HĐND cấp xã hoạt động không chuyên trách: 0,2 mức lương cơ sở/tháng.

Phó Trưởng ban của HĐND cấp xã hoạt động không chuyên trách: 0,1 mức lương cơ sở/tháng.

c) Chủ tịch HĐND, Trưởng các Ban HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm không hưởng lương từ ngân sách được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng mức phụ cấp đại biểu đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và do ngân sách cấp xã chi trả.

2. Phụ cấp Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ đại biểu HĐND

a) Mức phụ cấp hàng tháng tính theo mức lương cơ sở cho Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND các cấp như sau:

Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh: 0,3 mức lương cơ sở/tháng;

Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cấp xã: 0,2 mức lương cơ sở/tháng.

b) Mức phụ cấp hàng tháng tính theo mức lương cơ sở cho Tổ phó tổ đại biểu HĐND các cấp như sau:

Tổ phó tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh: 0,2 mức lương cơ sở/tháng;

Tổ phó tổ đại biểu HĐND cấp xã: 0,15 mức lương cơ sở/tháng.

Điều 16. Chế độ cung cấp báo chí, tài liệu cho Đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND tỉnh được cấp báo "Đại biểu nhân dân", báo địa phương. Chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch HĐND, lãnh đạo Ban HĐND cấp xã được cấp báo "Đại biểu nhân dân". Trường hợp, một người là Đại biểu HĐND ở nhiều cấp chỉ được cung cấp báo chí ở một mức cao nhất.

2. Các tài liệu liên quan đến hoạt động của HĐND được cung cấp theo quy định.

Điều 17. Hỗ trợ khác đối với Đại biểu HĐND, bộ phận trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND

1. Hỗ trợ tiền may trang phục, lễ phục

a) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục (đại biểu dân cử ở nhiều cấp được hưởng hỗ trợ ở cấp cao nhất). Thường trực HĐND các cấp, căn cứ vào tình hình cụ thể, khả năng ngân sách địa phương để xem xét, quyết định mức cho phù hợp nhưng tối đa không quá:

Cấp tỉnh: 7.000.000 đồng/bộ;

Cấp xã: 4.000.000 đồng/bộ.

b) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục. Thường trực HĐND các cấp, căn cứ vào tình hình cụ thể, khả năng ngân sách địa phương để xem xét, quyết định mức cho phù hợp nhưng tối đa không quá:

Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/bộ;

Cấp xã: 3.000.000 đồng/bộ.

2. Hỗ trợ một lần kinh phí để nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ; mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ như sau

a) Từ nguồn ngân sách tỉnh: Đại biểu HĐND tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

b) Từ nguồn ngân sách cấp xã: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã không là đại biểu HĐND tỉnh.

3. Chi hỗ trợ khai thác tài liệu, truy cập internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin, nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND (bao gồm các đại biểu HĐND và cán bộ, công chức Văn phòng trực tiếp làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐND)

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng.

4. Trợ cấp ngày lễ, ngày tết và hỗ trợ ăn trưa cho đại biểu HĐND chuyên trách và cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND. Mức chi cụ thể do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 18. Chế độ bảo hiểm cho đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được đảm bảo chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

2. Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nếu kiêm nhiệm chức danh Phó Trưởng ban HĐND cấp xã thì được đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 19. Chi hỗ trợ khám sức khỏe và bồi dưỡng chăm sóc sức khỏe cho đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND các cấp chưa có tiêu chuẩn khám sức khỏe theo quy định thì được trợ cấp kinh phí khám sức khỏe hàng năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức này

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

b) Cấp xã: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

2. Hỗ trợ bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe hàng năm cho đại biểu

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

b) Cấp xã: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

Điều 20. Chi thăm hỏi trợ cấp ốm đau, thăm viếng, trợ cấp mai táng cho Đại biểu HĐND, thân nhân đại biểu HĐND

1. Chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau

a) Chi thăm hỏi đại biểu HĐND đương nhiệm năm viện:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/lần/đại biểu;

- Cấp xã: 500.000 đồng/lần/đại biểu.

b) Chi trợ cấp đại biểu HĐND đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo (không quá 2 lần/người/năm):

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/lần/đại biểu;

- Cấp xã: 1.500.000 đồng/lần/đại biểu.

c) Chi thăm hỏi ốm đau đại biểu nguyên là lãnh đạo HĐND, lãnh đạo Ban của HĐND hoạt động chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/lần/đại biểu;

- Cấp xã: 700.000 đồng/lần/đại biểu.

2. Chi viếng đại biểu HĐND, thân nhân đại biểu HĐND đương nhiệm; nguyên lãnh đạo HĐND, lãnh đạo Ban của HĐND hoạt động chuyên trách, lãnh đạo Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND đã nghỉ hưu từ trần (không bao gồm vòng hoa phúng viếng)

a) Chi viếng đại biểu HĐND đương nhiệm:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người;

- Cấp xã: 3.000.000 đồng/người.

b) Chi viếng đại biểu nguyên là lãnh đạo HĐND, lãnh đạo Ban của HĐND hoạt động chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người;

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

c) Chi viếng cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu HĐND đương nhiệm:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người;

- Cấp xã: 700.000 đồng/người.

d) Chi viếng lãnh đạo Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND đã nghỉ hưu:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người;
- Cấp xã: 300.000 đồng/người.

3. Đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần mà người lo mai táng không được hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ bảo hiểm xã hội thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do HĐND cấp đó chi trả từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 21. Chi tiếp khách của Thường trực HĐND và các Ban HĐND

Tiếp khách trong và ngoài tỉnh, khách nước ngoài: mức chi theo quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước.

Điều 22. Chế độ khen thưởng cho đại biểu HĐND

Đại biểu HĐND hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Chế độ tặng quà

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách được quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động HĐND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo..., khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng tối đa mỗi lần thăm hỏi được quy định như sau:

Tặng quà cho tập thể: 5.000.000 đồng/lần.

Tặng quà cho cá nhân: 1.000.000 đồng/lần.

Điều 24. Chi thuê phần mềm Quản lý hoạt động của HĐND tỉnh; Chi trả nhuận bút viết tin bài trên Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh

Mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo quy định.

Điều 25. Trang cấp máy tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương ứng

Mỗi nhiệm kỳ HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh được trang cấp máy tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương ứng để phục vụ hoạt động của đại biểu HĐND và 01 cặp công tác có giá trị tối đa không quá 2.500.000 đồng/cặp. Thường trực HĐND tỉnh quyết định cụ thể đảm bảo phù hợp với thực tế, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Điều 26. Chi hoạt động của Đảng ủy HĐND tỉnh

1. Chi xây dựng báo cáo, chương trình, kế hoạch, đề án, tờ trình của Đảng ủy HĐND tỉnh: 500.000 đồng/văn bản.

2. Chi xây dựng báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Đảng bộ HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi tổ chức hội nghị, phiên họp của Đảng ủy HĐND tỉnh

a) Chi cho người chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho các đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho người phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

Nếu tổ chức hội nghị, phiên họp vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 3 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

Điều 27. Trong quá trình hoạt động, để phục vụ các hoạt động mang tính đặc thù của HĐND mà phát sinh những nội dung chi và mức chi không quy định tại Quy định này: theo điều kiện thực tế, Thường trực HĐND cùng cấp quyết định mức chi cho phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 28. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí hoạt động hằng năm của HĐND từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Thường trực HĐND tỉnh (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh) tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.